

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 4 - 2023
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mỹ Linh
Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết E, sinh năm: 1970; Địa chỉ: ấp Tân Hưng, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh Th, sinh năm: 1973; Địa chỉ: ấp Tân Hưng, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết E trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 21/02/2023 như sau:

Về hôn nhân: Năm 2008, bà Tuyết E và ông Lê Minh Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xung đột trong gia đình. Hai bên không còn tình cảm nữa. Bà Tuyết E yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Th.

Về nuôi con chung: Bà Tuyết E và ông Th có 02 người con chung là Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1997, đã trưởng thành và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 21/7/2010, đang sống với mẹ. Khi ly hôn, bà Tuyết E yêu cầu nuôi cháu T theo

nguyện vọng của cháu và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi cháu T, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà Tuyết E và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Minh Th đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Lê Minh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Riêng nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2008 bà Nguyễn Thị Tuyết E và ông Lê Minh Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà Tuyết E trình bày do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xung đột trong gia đình. Hai bên không còn tình cảm nên bà Tuyết E yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Th. Về phía ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Tuyết E và ông Th không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tuyết E được ly hôn với ông Lê Minh Th.

[4] *Về con chung*: Bà Tuyết E và ông Th có 02 người con chung là Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1997, đã trưởng thành và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 21/7/2010, đang sống với mẹ. Khi ly hôn, bà Tuyết E yêu cầu nuôi cháu T theo nguyện vọng của cháu. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng sống với bà Tuyết E. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Thị Cẩm T cho bà Tuyết E trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bà Tuyết E có yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi cháu T, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, ông Th cũng không có ý kiến. Xét thấy yêu cầu của bà Tuyết E là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo

quyền lợi mọi mặt của con. Do đó, buộc ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp cháu T đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì ông Th vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

[6] *Về tài sản chung*: Bà Tuyết E và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] *Về nợ chung*: Bà Tuyết E xác định không có.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tuyết E và ông Lê Minh Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 21/7/2010 cho bà Nguyễn Thị Tuyết E trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Minh Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Ông Lê Minh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với bà Tuyết E số tiền 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp Lê Thị Cẩm T đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì ông Th vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 01/02/2023, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002755 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ. Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA
- TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc